

**Bảng nhận dạng các nhóm động vật có xương sống**

STT	Cá	Lưỡng cư	Bò sát	Chim	Thú
1					
2					
3					
...					

**Hoạt động 3: Tìm hiểu vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên**

**Nhiệm vụ:** GV sử dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học để định hướng cho HS thảo luận về vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên.

**Tổ chức dạy học:** GV cho HS thảo luận và tìm hiểu thêm trên mạng internet về vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên để hoàn thành nhiệm vụ đề ra trong SGK.

Gợi ý: Xác định vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên bằng cách hoàn thành sơ đồ gợi ý như sau:



**Hoạt động 4: Phân loại một số nhóm sinh vật theo khoá lưỡng phân**

**Nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS sử dụng khoá lưỡng phân để phân loại các nhóm sinh vật trên bộ ảnh đã chụp được.

**Tổ chức dạy học:** GV cho HS làm việc nhóm để phân loại các nhóm sinh vật theo khoá lưỡng phân.

Sử dụng khoá lưỡng phân để phân loại các nhóm sinh vật chụp ảnh được trong quá trình tham quan thiên nhiên. Tùy thuộc vào các sinh vật đã quan sát được mà khoá lưỡng phân sử dụng có thể khác nhau.

Gợi ý: Sử dụng cách phân loại sau đây để phân loại các sinh vật quan sát được.

1a: Hô hấp bằng mang .....	Nhóm cá
1b: Không hô hấp bằng mang .....	2
2a: Hô hấp bằng phổi, da .....	Nhóm lưỡng cư
2b: Chỉ hô hấp bằng phổi .....	3
3a: Có cánh .....	Nhóm Chim
3b: Không có cánh .....	4
4a: Da khô, phủ vảy .....	Nhóm Bò sát
4b: Da phủ lông mao .....	Nhóm Thú

### Hoạt động 5: Báo cáo kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên

**Nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS tổng hợp các kết quả thực hiện được khi tham quan thiên nhiên và thể hiện trên slide hoặc trên giấy dạng áp phích.

**Tổ chức dạy học:** GV cho HS làm việc nhóm ở nhà để thực hiện nhiệm vụ. Các nhóm báo cáo kết quả; GV đánh giá và cho điểm.

Nội dung báo cáo:

1. Bộ sưu tập ảnh các nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên
2. Sơ đồ vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên
3. Khoá lưỡng phân các nhóm sinh vật ngoài thiên nhiên.

Gợi ý sau bài thực hành: Em hãy đưa ra một thông điệp để tuyên truyền bảo vệ các loài động vật, thực vật và bảo vệ môi trường sống của chúng.

Có thể đưa thông điệp bằng áp phích hoặc câu khẩu hiệu hoặc một đoạn video ngắn.

*Chân trời sáng tạo*

## ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 8 (1 tiết)

### MỤC TIÊU

#### 1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề;
- Giao tiếp và hợp tác: Xác định nội dung hợp tác nhóm, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập; Đánh giá kết quả đạt được của nhóm trong bài ôn tập chủ đề;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất, phân tích, thiết kế sơ đồ tư duy về sự đa dạng các nhóm sinh vật; Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng đánh giá chủ đề ôn tập.

#### 2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Hệ thống hoá được kiến thức về đa dạng thế giới sống và vai trò của mỗi nhóm sinh vật trong thực tiễn;
- Tìm hiểu tự nhiên: Trình bày được lợi ích và tác hại của các nhóm sinh vật trong tự nhiên và thực tiễn;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết ứng dụng những lợi ích của các nhóm sinh vật và hạn chế các tác hại do sinh vật gây ra đối với con người, tự nhiên.

#### 3. Phẩm chất

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học;
- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng;
- Ham học hỏi, khám phá sự đa dạng trong thế giới sinh vật ngoài thiên nhiên;
- Có ý thức sẵn sàng tham gia các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, bảo vệ thế giới sinh vật.

*Dựa vào mục tiêu của bài học và nội dung các hoạt động của SGK, GV lựa chọn phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp để tổ chức cho HS tham gia các hoạt động học tập một cách hiệu quả và tạo hứng thú cho HS trong quá trình tiếp nhận kiến thức, hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất liên quan đến bài học.*

## A. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Thuyết trình nêu vấn đề kết hợp hỏi đáp;
- Dạy học theo cặp đôi/ nhóm nhỏ;
- Phương pháp trò chơi.

## B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

### Hoạt động 1. Hệ thống hoá kiến thức

**Nhiệm vụ:** GV định hướng cho HS hệ thống hoá được kiến thức về đa dạng sinh học, vai trò của đa dạng sinh học, sự suy giảm đa dạng và các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.

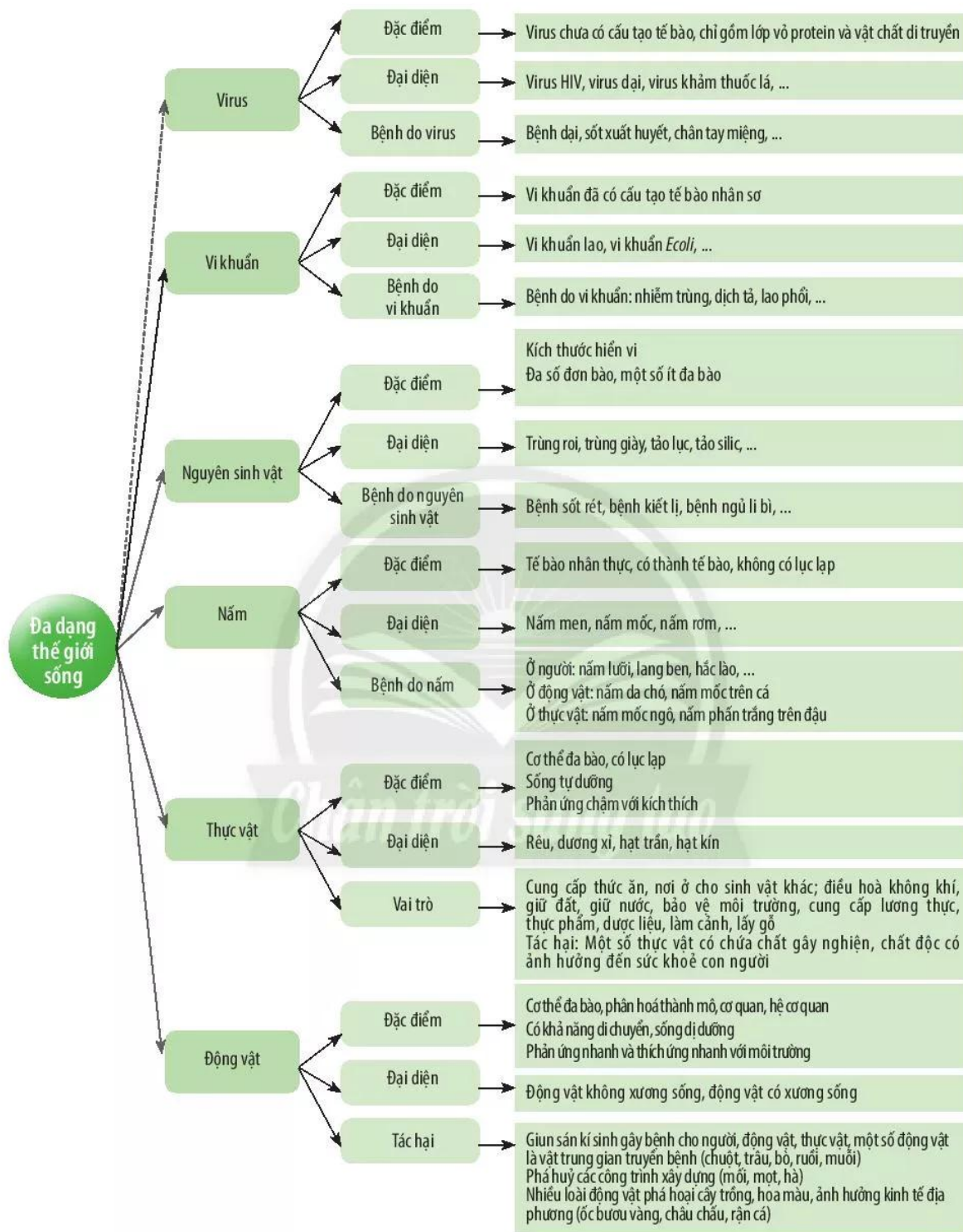
**Tổ chức dạy học:** GV hướng dẫn HS tham gia một số trò chơi có tính tổng hợp như *Đuổi hình bắt chữ*, *Chiếc nón kì diệu*, *Em là tuyên truyền viên*, ... hoặc thi thiết kế áp phích nhanh về chủ đề Bảo vệ đa dạng sinh học.

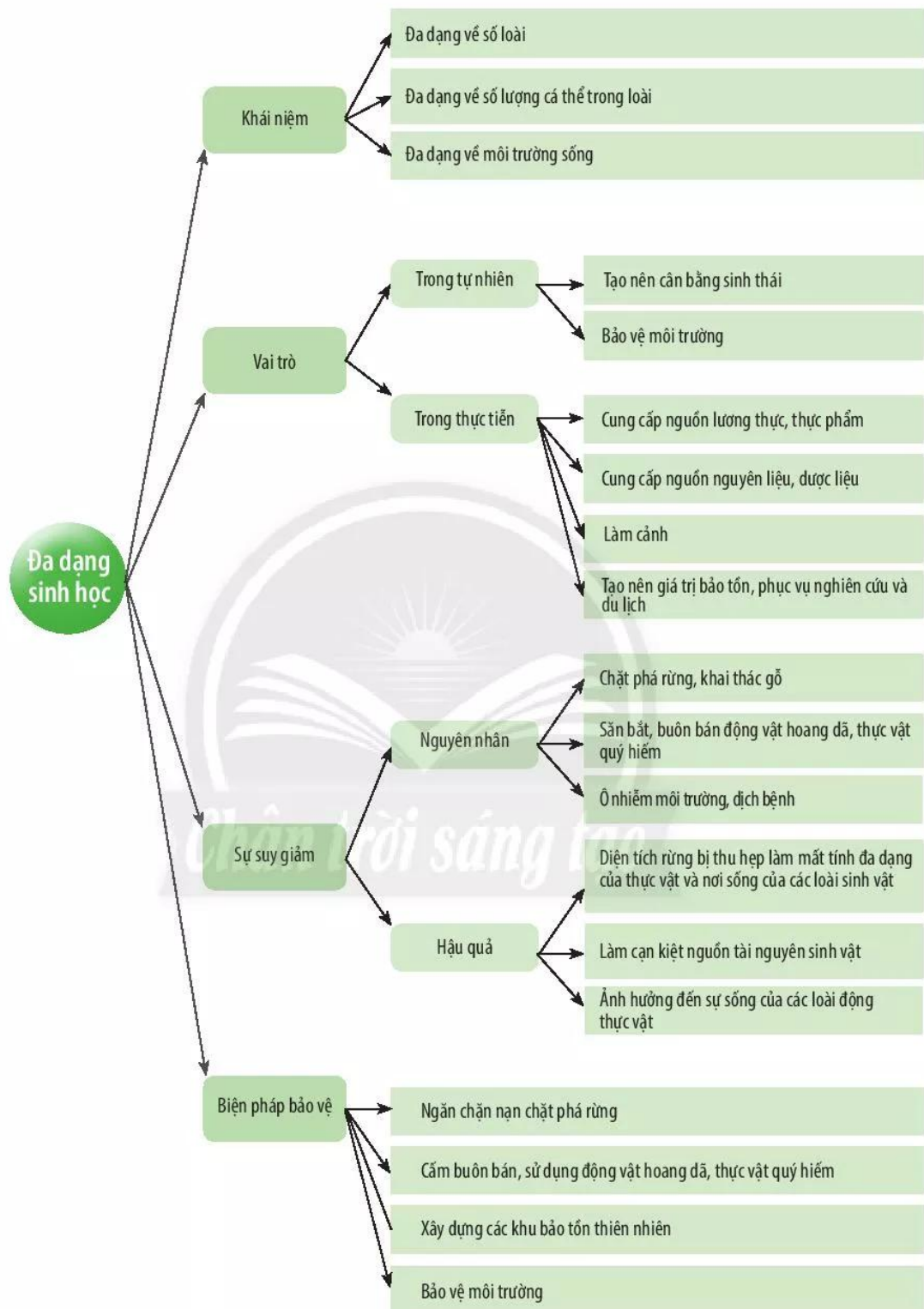
Chia lớp thành 6 nhóm tương ứng với: Virus, giới Khởi sinh, giới Nguyên sinh, giới Nấm, giới Động vật, giới Thực vật.

Để ôn tập phần Đa dạng sinh học, GV tổ chức trò chơi hoặc thi trả lời nhanh các câu hỏi về Đa dạng sinh học giữa các nhóm.

*Chân trời sáng tạo*







## Hoạt động 2. Làm bài tập vận dụng

**Nhiệm vụ:** GV định hướng cho HS giải một số bài tập vận dụng.

**Tổ chức dạy học:** GV gợi ý, định hướng, tổ chức cho HS làm bài tập vận dụng để vận dụng kiến thức của chủ đề, đồng thời phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

### Một số bài tập gợi ý:

1. Hãy cho biết sinh vật nào dưới đây không cùng nhóm với những sinh vật còn lại?

- A. Nấm túi.      B. Nấm men.      C. Nấm nhầy.      D. Nấm đảm.

2. Sử dụng kiến thức đã học, hoàn thành bảng theo mẫu sau:

Giới sinh vật	Đại diện	Đặc điểm cấu tạo	Kiểu dinh dưỡng
Khởi sinh	?	?	?
Nguyên sinh	?	?	?
Nấm	?	?	?
Thực vật	?	?	?
Động vật	?	?	?

3. Hoàn thành bảng theo mẫu sau bằng cách điền chức năng tương ứng với các thành phần cấu tạo của virus.

Thành phần cấu tạo của virus	Chức năng
Vỏ protein	?
Phần lõi	?
Vỏ ngoài	?

4. Vi sinh vật là những sinh vật đơn bào hoặc đa bào, nhân sơ hoặc nhân thực, có kích thước rất nhỏ, không quan sát được bằng mắt thường mà phải sử dụng kính hiển vi. Vi sinh vật có ở khắp mọi nơi trên Trái Đất, ngay ở điều kiện khắc nghiệt nhất như nhiệt độ cao trong miệng núi lửa, nhiệt độ thấp ở Nam Cực và áp suất lớn dưới đáy đại dương. Vi sinh vật có khoảng trên 100 nghìn loài, trong đó nhiều loài vi sinh vật có lợi nhưng cũng có nhiều loài gây bệnh cho người và sinh vật khác.

a) Vi sinh vật bao gồm những nhóm nào sau đây?

- A. Vi khuẩn, nguyên sinh vật.  
 B. Vi khuẩn, thực vật.  
 C. Nguyên sinh vật, thực vật.  
 D. Nấm, động vật.